

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI KẾT THÚC
HỌC PHẦN BẰNG HÌNH THỨC THI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-ĐKKTYDĐN ngày 05/01/2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng)

I. Quy định hình thức trình bày

1. Thể thức trình bày

- a) Ngân hàng câu hỏi thi và đáp án được biên soạn bằng MS word, khổ giấy A4, sử dụng bảng mã Unicod với font chữ Time new roman, cỡ chữ 13.
- b) Định dạng khổ giấy được thực hiện như sau:
- + Lề trái 3.0 cm
 - + Lề phải 1.5 cm
 - + Lề trên và lề dưới 2.0 cm
- c) Trang bìa và phụ bìa của Bộ ngân hàng câu hỏi được thực hiện như sau:
- Trang bìa: sử dụng bìa giấy màu xanh da trời, trang bìa phải có tên cơ quan chủ quản, tên Trường, tên người chủ biên, tên học phần (*Có file mẫu đính kèm*).
 - Trang phụ bìa: có nội dung tương tự trang bìa nhưng có ghi chi tiết tên nhóm biên soạn ngân hàng câu hỏi, mã học phần, bậc, số tín chỉ và đối tượng sử dụng (*Có file mẫu đính kèm*).

2. Cách thức trình bày

Bộ ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan được thực hiện theo quy định của phần mềm quản lý thi online, cụ thể:

- a) Trang bìa

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG

BỘ NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BẰNG HÌNH THỨC THI
TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

- TÊN HỌC PHẦN :
- MÃ HỌC PHẦN :
- BẠC ĐÀO TẠO :
- ĐỐI TƯỢNG :
- SỐ TÍN CHỈ LÝ THUYẾT :

CHỦ BIÊN/NHÓM BIÊN SOẠN: 1.

2.

....

ĐÀ NẴNG, NĂM.....

b) Nội dung bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm phải đảm bảo đầy đủ các mức độ nhận thức trong thang đo nhận thức của Bloom và chia theo 03 nhóm: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Các câu hỏi thi được sắp xếp theo từng chương, bài.

Ví dụ:

Chương I

BÀI 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TRONG CÁC CƠ SỞ Y TẾ

I. Nhóm câu hỏi “nhận biết”

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
	C1-B1-001		A		
				

II. Nhóm câu hỏi “thông hiểu”

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
	C1-B1-001		A		
				

III. Nhóm câu hỏi “vận dụng”

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
	C1-B1-001		A		
				

.....

TRU
ĐẠI
Y THUI
ĐÀ

II. Hướng dẫn cú pháp soạn thảo Bộ ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan

1. Phần cột “STT”: phần này có thể để trống hoặc nhập số thứ tự để theo dõi số lượng câu hỏi.

Lưu ý: Không xóa cột này.

2. Phần cột “Mã”: là mã câu hỏi, phần này có thể tự đặt tương ứng với mỗi câu hỏi được xây dựng để đảm bảo mỗi câu hỏi phải có 1 mã tránh trường hợp trùng câu hỏi, có thể đặt theo tên của từng chương, từng bài.

Ví dụ:

a) CHTN-(01....n) (diễn giải: CHTN: câu hỏi trắc nghiệm)

b) hoặc có thể đặt theo chương, bài: C01-B01-001, C02-B01-001,..... (diễn giải: C01-B01-001: Chương 1-Bài 1-câu hỏi 1,.....)

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
	C1-B1-001				

3. Phần cột “Nội dung”: là phần diễn giải nội dung câu dẫn của câu hỏi và thứ tự các lựa chọn

a) Nội dung câu dẫn phải được trình bày bằng kiểu chữ đứng, bôi đậm.

b) Phần các lựa chọn (A., B., C., D.): phải gõ thủ công từng ký tự A, B, C, D, kế tiếp là dấu chấm (.) sát với các ký tự A,B,C,D và được bố trí theo 1 thứ tự hàng dọc nhất định.

Lưu ý: không sử dụng chế độ tự động đối với các ký tự A., B., C., D.; không sử dụng lệnh kẻ khung trong tab → Insert Tables.

Ví dụ:

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
	C5-1-001	<p>Cho các nguyên tố M ($Z = 11$), X ($Z = 17$), Y ($Z = 9$) và R ($Z = 19$). Độ âm điện của các nguyên tố tăng dần theo thứ tự</p> <p>A. $M < X < Y < R$.</p> <p>B. $M < X < R < Y$.</p> <p>C. $Y < M < X < R$.</p> <p>D. $R < M < X < Y$.</p>			

4. Phần cột “Đáp án”: là đáp án đúng của câu hỏi, phần này gõ trực tiếp ký tự đáp án A hoặc B hoặc C hoặc D tương ứng với đáp án câu lựa chọn.

Ví dụ:

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Có định
	CHTN-01	Bộ Y tế ký quyết định số 1568/QĐ-BYT phê duyệt kế hoạch nhân rộng và phát triển mô hình phòng khám Bác sĩ gia đình tại Việt Nam vào năm: A. 2006 B. 2015 C. 2016 D. 1996	D		
	CHTN-02	Cho các nguyên tố M ($Z = 11$), X ($Z = 17$), Y ($Z = 9$) và R ($Z = 19$). Độ âm điện của các nguyên tố tăng dần theo thứ tự A. $M < X < Y < R$. B. $M < X < R < Y$. C. $Y < M < X < R$. D. $R < M < X < Y$.	B		
	CHTN-03	...			
	CHTN-n	...			

5. Phần cột “**Loại câu**”: phần này tùy thuộc vào từng dạng câu hỏi để thiết lập, có 3 loại: câu hỏi đơn lẻ, câu hỏi điền từ vào chỗ trống, câu hỏi nhóm (câu hỏi tình huống).

a) Đối với loại câu hỏi đơn lẻ: cột này được để trống (như ví dụ tại phần 4).

b) Đối với câu hỏi nhóm (câu hỏi tình huống): cột này được quy định đánh theo thứ tự là từ câu dẫn chung của câu hỏi tình huống bắt đầu là số 1 và câu hỏi cuối cùng trong tình huống là số 0.

Lưu ý: Đối với câu hỏi tình huống phần mềm sẽ tự mặc định là có định tất cả các câu hỏi chỉ hoán vị các câu lựa chọn đáp án.

Ví dụ: Trong trường hợp này tình huống có 5 câu hỏi, như vậy câu dẫn chung sẽ đánh vào cột Loại câu bắt đầu là số 1 và kết thúc của câu hỏi tình huống sẽ là số 0

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Có định
	CHTH-C1-001	<p>Người bệnh nữ Nguyễn Thị An, 49 tuổi vào viện vì lý do bỏng nước sôi từ gối xuống hai bàn chân. Bà An khai ở nhà đã rửa nước lạnh và dùng kem đánh răng để bôi vào vết bỏng. Người bệnh được khám và điều trị tại Khoa Ngoại bỏng 5 ngày, tình trạng người bệnh hiện tại: Dấu sinh tồn: Mạch 72 lần/phút, Nhiệt độ: 39⁰C, Huyết áp: 130/70mmHg, Nhịp thở: 18 lần/phút. Vết bỏng rỉ dịch thấm băng màu vàng đục, bong da vùng cẳng chân để lộ nền da đỏ thẫm, rìa vết thương có nhiều giả mạc màu đen. Người bệnh đau rất nhiều vùng bỏng, không đi lại được, người bệnh mệt nhiều, ăn uống không ngon miệng, ngủ ít (3-4h/ ngày). Người bệnh mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2 đã 4 năm.</p>		1	
	CHTH-C1-002	<p>Áp dụng quy tắc 9s của Wallace trong việc tính diện tích bỏng ở người bệnh lớn tuổi, diện tích bỏng của bà Nguyễn Thị An là:</p> <p>A. 36%</p> <p>B. 18%</p> <p>C. 27%</p> <p>D. 32%</p>	B		
	CHTH-C1-003	<p>Trong những nhận định dưới đây, đâu là nhận định cần ưu tiên chăm sóc cho người bệnh:</p> <p>A. Vết bỏng rỉ dịch vàng đục, rìa vết thương có nhiều giả mạc</p> <p>B. Người bệnh đau rất nhiều vùng bỏng</p> <p>C. Người bệnh không đi lại được</p> <p>D. Người bệnh sốt cao 39 độ C</p>	D		
	CHTH-C1-004	<p>Trong những chẩn đoán điều dưỡng dưới đây, chẩn đoán nào KHÔNG phù hợp với tình trạng người bệnh hiện tại:</p> <p>A. Người bệnh đau rất nhiều to tổn thương da vùng bỏng</p>	C		

STT	Mã	Nội dung	Đáp án	Loại câu	Cố định
		B. Tăng thân nhiệt do nhiễm trùng vết bỏng C. Người bệnh suy kiệt do bỏng D. Người bệnh ngủ ít do đau rát vết bỏng			
	CHTH-C1-005	Trong kế hoạch chăm sóc tình trạng vết bỏng rỉ vàng đục, rìa vết thương có nhiều giả mạc của người bệnh, nội dung nào dưới đây KHÔNG ĐÚNG: A. Thay băng vết bỏng hằng ngày bằng nước muối sinh lí B. Theo dõi dấu hiệu sinh tồn C. Cắt lọc những vùng có giả mạc D. Thực hiện y lệnh thuốc giảm đau trước lúc thay băng	B		
	CHTH-C1-006	Phát biểu về chế độ dinh dưỡng nào sau đây KHÔNG đúng với tình trạng của người bệnh? A. Khẩu phần ăn của người bệnh cần tăng cường protein, đảm bảo tỉ lệ tối thiểu protein là 20% trong khẩu phần ăn. B. Người bệnh cần tăng cường uống nước và ăn các loại thức ăn bổ sung vitamin và chất khoáng. C. Chất béo trong khẩu phần ăn của người bệnh phải được tăng lên để đủ tiêu chuẩn >30% của khẩu phần ăn. D. Người bệnh cần tăng cường uống nhiều nước	C	0	

6. Phần cột “**Cố định**”: phần này dùng để cố định không cho hoán vị các câu lựa chọn, nhưng chủ yếu dùng đối với các loại câu hỏi nhiều lựa chọn đáp án đúng:

Ví dụ: Câu A, C hoặc B, D đúng, tất cả các câu đều đúng, tất cả các câu đều sai.

Hiện nay Nhà trường có quy định không sử dụng các dạng câu hỏi này trong việc soạn thảo đề thi nên phần này để trống.

Lưu ý: Không bỏ cột này

